

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN CHÍNH THỨC VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THỐNG KÊ NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-BKHĐT ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
1	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Văn Minh	12/4/1991	DTK0005	78.5		78.5	Trúng tuyển	
2	Hà Nội	Huyện Thường Tín	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Tuấn Minh	3/10/1991	DTK0015	78.5		78.5	Trúng tuyển	
3	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Lan Anh	13/11/1987	DTK0018	89	5	94	Trúng tuyển	
4	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Quốc Tuấn	22/10/1988	DTK0022	84.5		84.5	Không trúng tuyển	
5	Hà Giang	Huyện Yên Minh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Duy Thành	4/9/1989	DTK0027	54.75	5	59.75	Trúng tuyển	
6	Hà Giang	Huyện Xín Mần	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Mạnh Hùng	29/2/1996	DTK0029	34.83	5	39.83	Không trúng tuyển	
7	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH	1	Đinh Thị Diệu Hoa	22/2/1996	DTK0034	73.75	5	78.75	Trúng tuyển	
8	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Hoàng Thị Liên	29/5/1993	DTK0039	62.25	5	67.25	Không trúng tuyển	
9	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Nguyễn Hoàng Giang	24/2/1996	DTK0031	53.5	5	58.5	Không trúng tuyển	
10	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Hoàng Thị Hoa	13/10/1986	DTK0035	14.5	5	19.5	Không trúng tuyển	
11	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	Thống kê xã hội	ĐH	1	Lý Minh Huệ	15/11/1995	DTK0053	68.25	5	73.25	Trúng tuyển	
12	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	Thống kê xã hội	ĐH		Hoàng Thủy Dung	22/4/1995	DTK0051	5.25	5	10.25	Không trúng tuyển	
13	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bế Khánh Ly	6/8/1992	DTK0067	77	5	82	Trúng tuyển	
14	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Linh Thu Hà	20/5/1997	DTK0064	72.5	5	77.5	Không trúng tuyển	
15	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Trương Thị Thúy	28/1/1994	DTK0070	53.5	5	58.5	Không trúng tuyển	
16	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Hạnh Tâm	6/12/1994	DTK0069	45.5	5	50.5	Không trúng tuyển	
17	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Nông Thị Lan	25/11/1993	DTK0066	40.5	5	45.5	Không trúng tuyển	
18	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Lý Thu Uyên	10/6/1992	DTK0073	39.5	5	44.5	Không trúng tuyển	
19	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Hoàng Phương Thảo	2/11/1994	CTK0085	97	5	102	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
20	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD	2	Hoàng Thanh Tân	20/11/1993	CTK0084	86.5	5	91.5	Trúng tuyển	
21	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Nông Ngọc Anh	2/11/1987	CTK0077	75.5	5	80.5	Không trúng tuyển	
22	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Hà Thiện Nhân	29/10/1997	CTK0083	73	5	78	Không trúng tuyển	
23	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Thắm Thị Đào	2/10/1996	CTK0078	65	5	70	Không trúng tuyển	
24	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Bế Thị Thu Hà	6/7/1984	CTK0079	61	5	66	Không trúng tuyển	
25	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	Thống kê xã hội	CD	1	Hoàng Thanh Thảo	15/3/1997	CTK0094	70	5	75	Trúng tuyển	
26	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Trương Thị Hạnh	19/4/1989	DTK0096	80.5	5	85.5	Trúng tuyển	
27	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Hoàng Thị Chung	24/5/1994	DTK0095	76	5	81	Không trúng tuyển	
28	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Trang	27/10/1994	DTK0099	72.5	5	77.5	Không trúng tuyển	
29	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lục Bích Ngọc	14/5/1992	DTK0098	72	5	77	Không trúng tuyển	
30	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Ngôn Thị Mai Lê	12/5/1994	DTK0097	47	5	52	Không trúng tuyển	
31	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Thu	1/7/1994	DTK0105	53.5	5	58.5	Trúng tuyển	
32	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Vì Thị Na	19/8/1990	DTK0108	51.5	5	56.5	Trúng tuyển	
33	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Triệu Thị Nhung	4/11/1992	DTK0117	96.75	5	101.75	Trúng tuyển	
34	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nông Bé Khiêm	11/3/1992	DTK0113	58	5	63	Không trúng tuyển	
35	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Lục Minh Giáo	20/3/1989	DTK0112	57.75	5	62.75	Không trúng tuyển	
36	Tuyên Quang	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH	1	Lê Thùy Chang	29/5/1989	DTK0119	61.5		61.5	Trúng tuyển	
37	Lào Cai	TP Lào Cai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phùng Thị Vân Huệ	26/12/1992	DTK0126	82.5		82.5	Trúng tuyển	
38	Lào Cai	Huyện Bát Xát	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Trọng Dũng	16/12/1993	DTK0128	82.25		82.25	Trúng tuyển	
39	Lào Cai	Huyện Bát Xát	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Hà Thu	19/11/1995	DTK0129	54		54	Không trúng tuyển	
40	Lào Cai	Huyện Bắc Hà	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Hương Giang	16/10/1995	DTK0134	53.75	5	58.75	Trúng tuyển	
41	Lào Cai	Huyện Bắc Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Lều Tuấn Anh	12/12/1988	DTK0132	43		43	Không trúng tuyển	
42	Lào Cai	Huyện Bảo Yên	Thống kê kinh tế	CD	1	Lục Quốc Việt	12/12/1996	CTK0136	93.25	5	98.25	Trúng tuyển	
43	Điện Biên	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Vàng Thị My	12/8/1994	DTK0138	76.5	5	81.5	Trúng tuyển	
44	Điện Biên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Nguyễn Thị Thúy Diệu	5/4/1988	DTK0141	70		70	Trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
45	Điện Biên	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Nguyễn Minh Tuấn	22/10/1981	DTK0143	76		76	Trúng tuyển	
46	Điện Biên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Nguyễn Thị Hà Trang	31/7/1995	DTK0145	85		85	Trúng tuyển	
47	Điện Biên	TP Điện Biên Phủ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đặng Hồng Nhung	1/6/1988	DTK0146	90		90	Trúng tuyển	
48	Điện Biên	Huyện Mường Chà	Thống kê xã hội	ĐH	1	Lê Tuyết Mai	20/11/1990	DTK0148	84		84	Trúng tuyển	
49	Điện Biên	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	CĐ	1	Phạm Ngọc Thám	10/2/1995	CTK0150	73.5		73.5	Trúng tuyển	
50	Điện Biên	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	ĐH	2	Nguyễn Thu Hà	28/6/1992	DTK0149	70.5		70.5	Trúng tuyển	
51	Điện Biên	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	ĐH		Phạm Thị Thúy	31/8/1990	DTK0151	62.25		62.25	Trúng tuyển	
52	Điện Biên	Huyện Mường Ảng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thu Thủy	21/6/1992	DTK0154	78		78	Trúng tuyển	
53	Điện Biên	TX Mường Lay	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Đặng Thị Hải Vân	3/10/1994	CTK0155	90		90	Trúng tuyển	
54	Điện Biên	Huyện Tủa Chùa	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Hà Thị Tươi	25/12/1994	CTK0156	90		90	Trúng tuyển	
55	Điện Biên	Huyện Tuần Giáo	Thống kê xã hội	CĐ	1	Nguyễn Thị Duyên	5/1/1995	CTK0157	90.5		90.5	Trúng tuyển	
56	Lai Châu	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	La Thị Phương Thủy	26/11/1991	DTK0161	88.5	5	93.5	Trúng tuyển	
57	Lai Châu	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Quế	10/11/1991	DTK0159	57		57	Không trúng tuyển	
58	Sơn La	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	28/10/1995	DTK0168	40		40	Không trúng tuyển	
59	Sơn La	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Trần Văn Thắng	3/7/1988	DTK0176	89.5		89.5	Trúng tuyển	
60	Sơn La	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Tô Việt Hùng	19/12/1995	DTK0172	82.25		82.25	Trúng tuyển	
61	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Vũ Kim Dung	18/2/1990	DTK0178	89		89	Trúng tuyển	
62	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Hương Giang	19/5/1993	DTK0179	82.25		82.25	Trúng tuyển	
63	Sơn La	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	2	Nguyễn Thị Oanh	20/9/1996	DTK0185	71		71	Trúng tuyển	
64	Sơn La	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Thủy Trang	22/11/1992	DTK0187	70.75		70.75	Trúng tuyển	
65	Sơn La	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Lò Bình An	30/10/1995	DTK0184	47	5	52	Không trúng tuyển	
66	Sơn La	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Nguyễn Tuấn Anh	30/4/1986	DKT0188	63.5	5	68.5	Trúng tuyển	
67	Sơn La	TP Sơn La	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lương Thị Quế Hằng	6/8/1996	DTK0192	85.5	5	90.5	Trúng tuyển	
68	Sơn La	TP Sơn La	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Kiều Trang	31/7/1990	DTK0194	67		67	Không trúng tuyển	
69	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	CĐ		Lò Thị Bích Thảo	6/8/1995	CTK0199	90.5	5	95.5	Trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
70	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Phùng Ngọc Anh	19/5/1997	CTK0195	94		94	Không trúng tuyển	
71	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	CĐ		Hoàng Mạnh Cường	8/8/1996	CTK0196	75.5	5	80.5	Không trúng tuyển	
72	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Điêu Quỳnh Ly	27/9/1991	DTK0197	63	5	68	Trúng tuyển	
73	Sơn La	Huyện Bắc Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Giang	15/4/1994	DTK0201	92.75		92.75	Trúng tuyển	
74	Sơn La	Huyện Phù Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Cầm Đình Nguyên	9/7/1991	DTK0202	89	5	94	Trúng tuyển	
75	Sơn La	Huyện Sông Mã	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Hà Đức Điệp	3/5/1993	CTK0212	94.5	5	99.5	Trúng tuyển	
76	Sơn La	Huyện Sông Mã	Thống kê kinh tế	CĐ		Đinh Đức Thắng	9/10/1996	CTK0214	74	5	79	Không trúng tuyển	
77	Yên Bái	Huyện Yên Bình	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nông Thị Cẩm Nhung	6/1/1993	CTK0218	96.5	5	101.5	Trúng tuyển	
78	Yên Bái	Huyện Yên Bình	Thống kê kinh tế	CĐ		Hà Thu Hằng	2/11/1993	CTK0217	90	5	95	Không trúng tuyển	
79	Hòa Bình	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Hà Nhật Linh	9/10/1996	CVT0221	50.5		50.5	Trúng tuyển	
80	Hòa Bình	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ		Quách Thị Hà	28/4/1991	CVT0219	37.5	5	42.5	Không trúng tuyển	
81	Hòa Bình	Huyện Lương Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Lệ	20/7/1992	DTK0224	92.25		92.25	Trúng tuyển	
82	Hòa Bình	Huyện Lương Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Trịnh Đăng Tuyển	24/12/1991	DTK0225	72		72	Không trúng tuyển	
83	Hòa Bình	Huyện Tân Lạc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Châu Trang	2/4/1992	DTK0229	58.5		58.5	Trúng tuyển	
84	Hòa Bình	Huyện Lạc Sơn	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Trần Xuân Đại	17/12/1990	CTK0237	94.5		94.5	Trúng tuyển	
85	Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Đỗ Thị Bích Liên	6/8/1992	DTK0240	84		84	Trúng tuyển	
86	Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		La Thị Ngọc Yến	3/12/1994	DTK0241	50.5		50.5	Không trúng tuyển	
87	Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Trần Thị Huệ	15/10/1993	DTK0239	43.5		43.5	Không trúng tuyển	
88	Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Thị Thu Thủy	10/9/1994	DTK0245	74.5	5	79.5	Trúng tuyển	
89	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Thị Thu Thủy	23/10/1985	DTK0249	69.5		69.5	Trúng tuyển	
90	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Hà My	19/7/1993	DTK0246	63	5	68	Không trúng tuyển	
91	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Tân	15/8/1992	DTK0248	40		40	Không trúng tuyển	
92	Lạng Sơn	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Đinh Thị Quyền	15/8/1995	CVT0250	56.75	5	61.75	Trúng tuyển	
93	Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Chu Lương Nguyên	1/1/1982	DTK0260	50	5	55	Trúng tuyển	
94	Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc	Thống kê kinh tế	ĐH		Hà Khánh Ly Lợi	22/10/1994	DTK0259	12	5	17	Không trúng tuyển	

Như

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
95	Lạng Sơn	Huyện Đình Lập	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Chu Anh Chiến	17/10/1989	CTK0270	96	5	101	Trúng tuyển	
96	Lạng Sơn	Huyện Đình Lập	Thống kê kinh tế	CĐ		Đặng Thị Lý	12/6/1996	CTK0272	62	5	67	Không trúng tuyển	
97	Lạng Sơn	Huyện Đình Lập	Thống kê kinh tế	CĐ		Đặng Phương Liên	26/6/1997	CTK0271	49	5	54	Không trúng tuyển	
98	Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Lương Minh Chiến	23/3/1988	CTK0273	91	5	96	Trúng tuyển	
99	Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	Thống kê kinh tế	CĐ		Đào Văn Trường	17/9/1994	CTK0274	82		82	Không trúng tuyển	
100	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	CĐ	1	Vũ Thị Minh Hòa	1/7/1997	CTK0280	91.5		91.5	Trúng tuyển	
101	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Phạm Thị Vân	18/12/1986	DTK0285	86.25		86.25	Trúng tuyển	
102	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Đồng Thùy Dương	18/7/1991	DTK0278	84		84	Trúng tuyển	
103	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Thu Hà	15/6/1986	DTK0279	72.25		72.25	Không trúng tuyển	
104	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Hà Xuân	25/10/1995	DTK0286	59.75		59.75	Không trúng tuyển	
105	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Phạm Đình Mạnh	8/12/1994	DTK0281	36.5		36.5	Không trúng tuyển	
106	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	17/11/1987	DTK0290	97.5	5	102.5	Trúng tuyển	
107	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Nguyễn Văn Tinh	10/9/1983	DTK0291	45		45	Không trúng tuyển	
108	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Bùi Thị Ngọc Mai	20/11/1991	DTK0298	63.5		63.5	Trúng tuyển	
109	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Bế Thành Tuyên	21/7/1992	DTK0299	54.5	5	59.5	Trúng tuyển	
110	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Mạnh Chính	21/3/1993	DTK0295	47.25		47.25	Không trúng tuyển	
111	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Thị Khánh Chinh	1/3/1995	DTK0302	92		92	Trúng tuyển	
112	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Giang Nam	12/10/1985	DTK0304	79	2.5	81.5	Trúng tuyển	
113	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Lan Anh	30/10/1993	DTK0300	63.5		63.5	Không trúng tuyển	
114	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Đinh Công Quyền	13/6/1996	DTK0307	51		51	Không trúng tuyển	
115	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Đào Lê Anh Bình	28/7/1993	DTK0301	36		36	Không trúng tuyển	
116	Bắc Giang	Huyện Sơn Động	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Duy Cường	5/7/1993	DTK0308	57	5	62	Trúng tuyển	
117	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lưu Trung Kiên	21/9/1989	DTK0312	94		94	Trúng tuyển	
118	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Oanh	16/8/1993	DTK0316	74		74	Không trúng tuyển	
119	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Minh Phương	1/10/1993	DTK0317	38.5		38.5	Không trúng tuyển	

Handwritten signature/initials

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
120	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Dương Thị Mơ	10/5/1995	DTK0314	12	5	17	Không trúng tuyển	
121	Phú Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH		Cao Thị Việt Anh	30/1/1991	DKT0319	72.5		72.5	Trúng tuyển	
122	Phú Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH		Phạm Thị Hoàng Anh	14/5/1996	DKT0320	34.5		34.5	Không trúng tuyển	
123	Phú Thọ	Huyện Hạ Hòa	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nguyễn Đình Tú	15/12/1991	CTK0327	87.5	5	92.5	Trúng tuyển	
124	Phú Thọ	Huyện Hạ Hòa	Thống kê kinh tế	CĐ		Nguyễn Huy Hà	19/12/1994	CTK0326	69		69	Không trúng tuyển	
125	Phú Thọ	Huyện Thanh Ba	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nguyễn Thị Thu Hà	13/10/1993	CTK0328	88		88	Trúng tuyển	
126	Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	Thống kê xã hội	CĐ	1	Đỗ Ngọc Loan	7/3/1989	CTK0329	93.75	5	98.75	Trúng tuyển	
127	Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	Thống kê xã hội	CĐ		Nguyễn Thị Kim Tuyền	22/10/1993	CTK0330	91.5		91.5	Không trúng tuyển	
128	Phú Thọ	Huyện Cẩm Khê	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Dương	13/9/1989	DTK0332	78		78	Trúng tuyển	
129	Phú Thọ	Huyện Cẩm Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Thương Huyền	14/5/1996	DTK0335	67.25		67.25	Không trúng tuyển	
130	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Phạm Gia Thành	13/6/1994	CTK0343	95		95	Trúng tuyển	
131	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	Thống kê kinh tế	CĐ		Nguyễn Ngọc Bình	7/5/1995	CTK0337	93		93	Không trúng tuyển	
132	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	Thống kê kinh tế	CĐ		Nguyễn Văn Giáp	20/5/1994	CTK0339	53		53	Không trúng tuyển	
133	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đinh Văn Anh	6/8/1991	DTK0344	80		80	Trúng tuyển	
134	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Mai	23/9/1991	DTK0350	73		73	Không trúng tuyển	
135	Hung Yên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Phạm Minh Trí	24/6/1994	DTK0362	97.75		97.75	Trúng tuyển	
136	Hung Yên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Bùi Thị Luyến	2/9/1985	DTK0361	86		86	Không trúng tuyển	
137	Hung Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lương Quỳnh Trang	4/6/1993	DTK0368	97.5		97.5	Trúng tuyển	
138	Hung Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Quốc Tuấn	21/8/1992	DTK0369	80		80	Không trúng tuyển	
139	Hung Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hà	25/5/1993	DTK0364	67.5		67.5	Không trúng tuyển	
140	Hung Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Hồng Nga	25/12/1996	DTK0365	37		37	Không trúng tuyển	
141	Hung Yên	Huyện Ân Thi	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Xuân	16/2/1995	DTK0372	82		82	Trúng tuyển	
142	Hung Yên	Huyện Ân Thi	Thống kê kinh tế	ĐH		Đỗ Thị Hiền	16/5/1995	DTK0370	54.5		54.5	Không trúng tuyển	
143	Hung Yên	Huyện Tiên Lữ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	7/9/1991	DTK0375	74.5		74.5	Trúng tuyển	
144	Hung Yên	Huyện Tiên Lữ	Thống kê kinh tế	ĐH		Đỗ Thị Mỹ Linh	9/9/1993	DTK0373	72		72	Không trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
145	Nam Định	Huyện Ý Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đoàn Thị Huyền	27/6/1989	DTK0378	96.5		96.5	Trúng tuyển	
146	Nam Định	Huyện Ý Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hường	10/10/1994	DTK0377	67		67	Không trúng tuyển	
147	Nam Định	Huyện Ý Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Văn Hiến	19/8/1989	DTK0376	61		61	Không trúng tuyển	
148	Nam Định	Huyện Giao Thủy	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Thanh Huyền	18/11/1995	DTK0387	85		85	Trúng tuyển	
149	Nam Định	Huyện Giao Thủy	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Hồng Vân	4/1/1989	DTK0389	82.5		82.5	Không trúng tuyển	
150	Nam Định	Huyện Giao Thủy	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thanh Huyền	3/8/1996	DTK0388	78		78	Không trúng tuyển	
151	Nam Định	Huyện Hải Hậu	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Đức Quý	20/10/1983	DTK0395	77.25		77.25	Trúng tuyển	
152	Nam Định	Huyện Hải Hậu	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Công Khang	9/3/1990	DTK0394	13.25		13.25	Không trúng tuyển	
153	Nam Định	Huyện Xuân Trường	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nguyễn Thu Huyền	22/10/1990	CTK0396	97		97	Trúng tuyển	
154	Thanh Hoá	Huyện Tĩnh Gia	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lương Ngọc Nguyên	20/1/1991	DTK0404	95.25	5	100.25	Trúng tuyển	
155	Thanh Hoá	Huyện Tĩnh Gia	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Ngọc Khánh	1/5/1992	DTK0401	99		99	Không trúng tuyển	
156	Thanh Hoá	Huyện Lang Chánh	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Trương Văn Khải	20/3/1991	CTK0406	90.75	5	95.75	Trúng tuyển	
157	Thanh Hoá	Huyện Lang Chánh	Thống kê kinh tế	CĐ		Lê Thị Thu Phương	2/9/1996	CTK0407	82		82	Không trúng tuyển	
158	Nghệ An	Huyện Kỳ Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Thị Thanh Nhân	7/2/1991	DTK0408	68.75	5	73.75	Trúng tuyển	
159	Nghệ An	Huyện Quế Phong	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thị Thanh Huyền	1/7/1992	DTK0412	93.5		93.5	Trúng tuyển	
160	Nghệ An	Huyện Quế Phong	Thống kê kinh tế	ĐH		Hồ Thị Thủy	4/11/1992	DTK0413	60.25		60.25	Trúng tuyển	
161	Nghệ An	Huyện Quế Phong	Thống kê kinh tế	ĐH		Hồ Thị Trâm Anh	10/5/1992	DTK0410	31.5		31.5	Không trúng tuyển	
162	Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đậu Việt Linh	14/9/1994	DTK0414	78		78	Trúng tuyển	
163	Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	Thống kê kinh tế	ĐH		Vy Trung Thành	24/1/1989	DTK0416	47.5	5	52.5	Không trúng tuyển	
164	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Thị Trang	23/3/1994	DTK0425	94.5		94.5	Trúng tuyển	
165	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Đình Mạnh	17/9/1993	DTK0421	79.5		79.5	Không trúng tuyển	
166	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Phan Bảo Anh	1/9/1994	DTK0428	86		86	Trúng tuyển	
167	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Đặng Thế Thực Linh	21/5/1996	DTK0430	67.5		67.5	Không trúng tuyển	
168	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Nguyễn Hồng Vinh	20/8/1995	DTK0436	26		26	Không trúng tuyển	
169	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Phan Thị Vân Anh	8/4/1993	DTK0429	16.5		16.5	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chi tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
170	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hạnh	20/10/1989	DTK0439	92.5		92.5	Trúng tuyển	
171	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Hà Phương	28/8/1996	DTK0444	92		92	Không trúng tuyển	
172	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Dương Thị Lam	22/4/1996	DTK0442	53.5		53.5	Không trúng tuyển	
173	Quảng Bình	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Phan Tuấn Giang	8/7/1989	DCN0445	70.5		70.5	Trúng tuyển	
174	Quảng Bình	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Phạm Hữu Phú	3/11/1995	DCN0446	18.5		18.5	Không trúng tuyển	
175	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hiền	5/8/1989	DTK0449	96.5		96.5	Trúng tuyển	
176	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Ngọc Ánh	13/9/1997	DTK0448	81.5		81.5	Không trúng tuyển	
177	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Thị Thủy Anh	4/11/1990	DTK0447	77.5		77.5	Không trúng tuyển	
178	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Hồng Nhung	17/11/1995	DTK0453	55.5		55.5	Không trúng tuyển	
179	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Mai Văn Hoài	4/11/1994	DTK0457	99		99	Trúng tuyển	
180	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thị Năm	14/7/1991	DTK0460	95.5		95.5	Trúng tuyển	
181	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Văn Trung	30/3/1990	DTK0463	90.5		90.5	Không trúng tuyển	
182	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Thương Huyền	21/12/1986	DTK0458	76		76	Không trúng tuyển	
183	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Đinh Ngọc Đông Sang	17/11/1994	DTK0462	61		61	Không trúng tuyển	
184	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Lê Thị Nhật Thủy	17/6/1991	DTK0475	97		97	Trúng tuyển	
185	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Thảo Như	1/2/1997	DTK0472	88		88	Không trúng tuyển	
186	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Trần Hương Quỳnh	26/10/1994	DTK0473	77		77	Không trúng tuyển	
187	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Lê Thị Thùy Trang	15/9/1992	DTK0476	71		71	Không trúng tuyển	
188	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Đoàn Thị My Ly	10/2/1993	DTK0468	55		55	Không trúng tuyển	
189	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Thị Thanh	3/4/1992	DTK0481	97.5		97.5	Trúng tuyển	
190	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ngân Hà	29/3/1995	DTK0478	50.75	5	55.75	Không trúng tuyển	
191	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Kiều Hưng	11/6/1989	DTK0479	42.5	2.5	45	Không trúng tuyển	
192	Thừa Thiên-Huế	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Võ Thị Diệu Xuân	21/10/1990	CVT0483	72.5		72.5	Trúng tuyển	
193	Thừa Thiên-Huế	TX Hương Trà	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Duy Hoàng	29/3/1995	DTK0487	91		91	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
194	Thừa Thiên-Huế	TX Hương Trà	Thống kê kinh tế	ĐH		Bùi Xuân Phong	25/7/1994	DTK0491	54		54	Không trúng tuyển	
195	Thừa Thiên-Huế	TX Hương Thủy	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Trường Sơn	23/10/1988	DTK0495	79.25		79.25	Trúng tuyển	
196	Thừa Thiên-Huế	Huyện Phú Lộc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Nha Trang	12/8/1991	DTK0499	69.5		69.5	Trúng tuyển	
197	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Phú Vinh	14/4/1993	DTK0515	87	5	92	Trúng tuyển	
198	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Hiền	5/6/1995	DTK0508	88.5		88.5	Không trúng tuyển	
199	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Thủy Tiên	5/3/1990	DTK0514	87		87	Không trúng tuyển	
200	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Liên	23/8/1994	DTK0511	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
201	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lê	3/10/1989	DTK0510	61.25		61.25	Không trúng tuyển	
202	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Mỹ Trang	13/8/1983	DTK0520	97		97	Trúng tuyển	
203	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Khánh Trâm	20/8/1990	DTK0519	89		89	Không trúng tuyển	
204	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Đỗ Thị Bích Thư	2/11/1988	DTK0518	86.5		86.5	Không trúng tuyển	
205	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Đoàn Thị Huyền My	18/6/1995	DTK0517	77		77	Không trúng tuyển	
206	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Phạm Thị Nhị Diệu	1/4/1996	DTK0522	96		96	Trúng tuyển	
207	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Đoàn Thị Yến Nhi	1/9/1986	DTK0525	95		95	Không trúng tuyển	
208	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Lê Thị Thiện Hòa	26/5/1996	DTK0523	87.5		87.5	Không trúng tuyển	
209	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Vũ Thị Kim Thắm	26/9/1991	DTK0526	44.06		44.06	Không trúng tuyển	Đã trừ 25% số điểm do thí sinh vi phạm nội quy bị lập biên bản xử lý bằng hình thức khiển trách
210	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH	1	Lê Công Hoàng	8/11/1986	DVT0530	78.5		78.5	Trúng tuyển	
211	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH		Nguyễn Hồng Ninh	4/2/1989	DVT0535	42	5	47	Không trúng tuyển	
212	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH		Đặng Thị Hoài Nhân	9/8/1996	DVT0534	45		45	Không trúng tuyển	
213	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Thị Thùy Dung	16/7/1991	DTK0538	91	5	96	Trúng tuyển	
214	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Lê Vy	27/4/1989	DTK0546	94.5		94.5	Không trúng tuyển	
215	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Minh Tâm	12/1/1990	DTK0541	93		93	Không trúng tuyển	
216	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thùy Trang	14/8/1991	DTK0544	87.75		87.75	Không trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
217	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Hoài Thương	30/12/1993	DTK0542	57.25		57.25	Không trúng tuyển	
218	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	Thống kê xã hội	ĐH		Nguyễn Thị Mỹ Lan	1/8/1989	DTK0548	93.5		93.5	Trúng tuyển	
219	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	Thống kê xã hội	ĐH		Chơ Rùm Thương	15/4/1992	DTK0550	55.25	5	60.25	Không trúng tuyển	
220	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Võ Thị Sen	12/11/1990	DTK0555	92		92	Trúng tuyển	
221	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Hồ Phạm Tiến Việt	8/8/1990	DTK0557	87		87	Trúng tuyển	
222	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thùy My	18/8/1987	DTK0553	83		83	Không trúng tuyển	
223	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thị Yến Vi	18/9/1990	DTK0556	72	5	77	Không trúng tuyển	
224	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Văn Nam	15/4/1983	DTK0554	74.25		74.25	Không trúng tuyển	
225	Quảng Nam	Huyện Hiệp Đức	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Việt Thanh	10/12/1978	DTK0560	90.25	5	95.25	Trúng tuyển	
226	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Khánh Minh	6/6/1993	DTK0565	91		91	Trúng tuyển	
227	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Cánh Sinh	15/10/1988	DTK0569	80.5		80.5	Trúng tuyển	
228	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Đức Phú	24/8/1985	DTK0566	65		65	Không trúng tuyển	
229	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Mỹ Linh	7/6/1996	DTK0564	40.25		40.25	Không trúng tuyển	
230	Quảng Nam	Huyện Bắc Trà My	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Thị Hương	2/1/1994	DTK0570	93.5		93.5	Trúng tuyển	
231	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	Thống kê xã hội	ĐH	2	Nguyễn Hồng Huy	2/2/1995	DTK0574	97		97	Trúng tuyển	
232	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	Thống kê xã hội	ĐH		Nguyễn Văn Thanh	16/5/1987	DTK0576	75.75		75.75	Trúng tuyển	
233	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	Thống kê xã hội	ĐH		Huỳnh Thị Thanh Duyên	26/3/1996	DTK0573	70		70	Không trúng tuyển	
234	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	Thống kê xã hội	ĐH	1	Nguyễn Tuyết Trinh	10/6/1991	DTK0587	85		85	Trúng tuyển	
235	Quảng Nam	Huyện Đông Giang	Thống kê kinh tế	CD	1	Lê Thị Thanh	11/4/1996	CTK0589	88		88	Trúng tuyển	
236	Quảng Ngãi	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Phương Thùy	10/8/1993	DTK0591	87	5	92	Trúng tuyển	
237	Quảng Ngãi	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Bùi Thị Cẩm Thư	8/9/1989	DTK0590	83		83	Không trúng tuyển	
238	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Bùi Thị Ngọc Lan	20/2/1993	DTK0592	95		95	Trúng tuyển	
239	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Phạm Thị Trúc Qui	20/1/1990	DTK0593	61		61	Không trúng tuyển	
240	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Phạm Thị Minh Huyền	15/3/1991	DTK0599	75.5	5	80.5	Trúng tuyển	
241	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Thị Thủy Ngọc	15/11/1980	DTK0600	66.5	5	71.5	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
242	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Như Quỳnh	21/6/1995	DTK0601	42.5		42.5	Không trúng tuyển	
243	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lê Tấn Đạt	29/9/1991	DTK0597	36.5	2.5	39	Không trúng tuyển	
244	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Lê Thị Phương	12/12/1990	DTK0609	87.75		87.75	Trúng tuyển	
245	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Thị Vũ An	12/2/1994	DTK0604	79		79	Không trúng tuyển	
246	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Ngô Vũ Đoàn Thông	10/9/1991	DTK0610	66.75		66.75	Không trúng tuyển	
247	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Trương Thị Hồng Hạnh	4/9/1993	DTK0605	65.25		65.25	Không trúng tuyển	
248	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Tạ Phạm Hoàng Thiến	16/9/1992	DCN0620	66		66	Trúng tuyển	
249	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Đặng Văn Kiêu	30/3/1989	DCN0615	65.25		65.25	Không trúng tuyển	
250	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Nguyễn Quốc Tuấn	4/6/1986	DCN0621	30.5		30.5	Không trúng tuyển	
251	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trương Thị Lệ Nguyễn	9/9/1995	DTK0629	83.5		83.5	Trúng tuyển	
252	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Út	3/4/1992	DTK0640	81		81	Trúng tuyển	
253	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Thúy	4/9/1988	DTK0637	80		80	Không trúng tuyển	
254	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thị Ánh Nguyệt	24/10/1994	DTK0630	64.75		64.75	Không trúng tuyển	
255	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thanh Danh	10/3/1992	DTK0622	51		51	Không trúng tuyển	
256	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ngọc Trang	28/1/1997	DTK0638	33		33	Không trúng tuyển	
257	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trương Thị Tuyết	9/9/1992	DTK0657	89.5	5	94.5	Trúng tuyển	
258	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lan	29/8/1988	DTK0645	83		83	Trúng tuyển	
259	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Ngọc Trâm	2/4/1994	DTK0653	80.5		80.5	Không trúng tuyển	
260	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Bé	7/10/1992	DTK0642	79		79	Không trúng tuyển	
261	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Ly	7/5/1993	DTK0647	73.5		73.5	Không trúng tuyển	
262	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Nữ Kiều Trinh	7/6/1992	DTK0655	73		73	Không trúng tuyển	
263	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Phương Vi	6/2/1995	DTK0659	65		65	Không trúng tuyển	
264	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Bùi Thị Quế Hương	11/11/1993	CTK0662	66.5		66.5	Trúng tuyển	
265	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Tuyết Hòa	18/4/1992	DTK0665	87	5	92	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chi tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
266	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Thúy Vy	24/9/1981	DTK0669	84		84	Không trúng tuyển	
267	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Như	5/1/1991	DTK0672	82	5	87	Trúng tuyển	
268	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Dương Đặng Kiều Ngân	18/8/1992	DTK0671	76		76	Không trúng tuyển	
269	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Kiều Trinh	30/4/1996	DTK0675	62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	
270	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thành Tiên	5/10/1979	DTK0674	46	5	51	Không trúng tuyển	
271	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tây	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Tuấn Đại Dương	28/10/1992	DTK0677	86.25		86.25	Trúng tuyển	
272	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Vy	10/5/1991	DTK0688	93		93	Trúng tuyển	
273	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Kim Long	15/10/1985	DTK0686	72.5		72.5	Không trúng tuyển	
274	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lữ Thị Minh Tâm	17/3/1989	DTK0693	74.25		74.25	Trúng tuyển	
275	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Thị Bảo Yến	10/9/1992	DTK0703	93.5		93.5	Trúng tuyển	
276	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Đỗ Thạch Thị Tươi	30/12/1997	DTK0701	87.5		87.5	Trúng tuyển	
277	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Thu Quảng	15/10/1991	DTK0698	72.5		72.5	Không trúng tuyển	
278	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thị Thanh Thùy	1/5/1990	DTK0700	70.5		70.5	Không trúng tuyển	
279	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Phụng	20/9/1993	DTK0697	66.5		66.5	Không trúng tuyển	
280	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Thanh Thủy	3/8/1991	DTK0699	38.5		38.5	Không trúng tuyển	
281	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tơ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Hồng Mến	17/12/1983	DTK0704	80.5		80.5	Trúng tuyển	
282	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tơ	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lệ Trinh	28/2/1993	DTK0707	73.75		73.75	Trúng tuyển	
283	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Nguyễn Trung Thuận	6/2/1992	DTK0725	86.5	5	91.5	Trúng tuyển	
284	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1/4/1991	DTK0711	87.75		87.75	Trúng tuyển	
285	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Mai Văn Sơn	13/1/1991	DTK0724	86		86	Không trúng tuyển	
286	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Thu Hằng	11/10/1986	DTK0710	59.25		59.25	Không trúng tuyển	
287	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Bạch Thị Hà My	21/7/1996	DTK0717	58.5		58.5	Không trúng tuyển	
288	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Minh Hiền	25/10/1988	DTK0712	57.25		57.25	Không trúng tuyển	
289	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Đào Duy Phước	15/9/1986	DTK0736	86.25		86.25	Trúng tuyển	
290	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Trần Dịu Hạnh	2/6/1987	DTK0730	61.25		61.25	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chi tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
291	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thị Liên	10/10/1994	DTK0733	59.25		59.25	Không trúng tuyển	
292	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Bích Phượng	21/8/1993	DTK0737	56.75		56.75	Không trúng tuyển	
293	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lưu Thị Huỳnh Trâm	19/10/1992	DTK0741	44		44	Không trúng tuyển	
294	Bình Định	Huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Thị Bích Lê	21/2/1991	DTK0745	82		82	Trúng tuyển	
295	Bình Định	Huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Huyền Sâm	9/3/1989	DTK0747	67.5		67.5	Không trúng tuyển	
296	Bình Định	Huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ý Nhi	13/8/1993	DTK0746	24.25		24.25	Không trúng tuyển	Đã trừ 50% số điểm do thí sinh vi phạm nội quy bị lập biên bản xử lý bằng hình thức cảnh cáo
297	Phú Yên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Nguyễn Thị Hoài	1/4/1989	DTK0752	86		86	Trúng tuyển	
298	Phú Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CĐ	1	Võ Thị Thanh Hiền	15/8/1990	CVT0760	71		71	Trúng tuyển	
299	Phú Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CĐ		Lê Thị Mỹ Hạnh	1/8/1995	CVT0759	50.25		50.25	Không trúng tuyển	
300	Phú Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CĐ		Phạm Thị Hồng	5/10/1987	CVT0761	30		30	Không trúng tuyển	
301	Phú Yên	TP Tuy Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Tường Vy	13/8/1996	DTK0771	71.25		71.25	Trúng tuyển	
302	Phú Yên	Huyện Phú Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Huyền Trân	28/5/1995	DTK0779	86.5		86.5	Trúng tuyển	
303	Phú Yên	Huyện Phú Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Minh Hải	20/2/1986	DTK0773	84.25		84.25	Không trúng tuyển	
304	Phú Yên	Huyện Phú Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Lệ	8/1/1988	DTK0776	76.5		76.5	Không trúng tuyển	
305	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Út Soa	22/9/1994	DTK0786	93		93	Trúng tuyển	
306	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Hoài Trâm	18/1/1992	DTK0788	91		91	Trúng tuyển	
307	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Thị Xuân	18/4/1991	DTK0791	82.75		82.75	Không trúng tuyển	
308	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trương Trọng Hậu	8/10/1990	DTK0782	63.75		63.75	Không trúng tuyển	
309	Khánh Hòa	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	CĐ	1	Nguyễn Thị Lan Thảo	22/2/1996	CTK0793	80		80	Trúng tuyển	
310	Khánh Hòa	Huyện Khánh Vĩnh	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Thị Huệ	15/8/1987	DTK0792	79.75	5	84.75	Trúng tuyển	
311	Khánh Hòa	Huyện Khánh Vĩnh	Thống kê xã hội	ĐH		Phi Trọng Nhân	4/8/1990	DTK0794	63.75		63.75	Không trúng tuyển	
312	Khánh Hòa	Huyện Diên Khánh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Thị Phương	5/9/1989	DTK0797	83.5		83.5	Trúng tuyển	
313	Khánh Hòa	Huyện Diên Khánh	Thống kê kinh tế	ĐH		Lâm Quang Minh Nhật	18/7/1989	DTK0796	69.75		69.75	Không trúng tuyển	
314	Ninh Thuận	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Thị Phương Dung	18/6/1991	DTK0798	90	5	95	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
315	Ninh Thuận	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Đào Nhật Vũ	20/1/1990	DTK0799	52		52	Không trúng tuyển	
316	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thu Hằng	6/7/1983	DTK0800	91		91	Trúng tuyển	
317	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Phương Thùy	25/10/1991	DTK0803	82.5		82.5	Không trúng tuyển	
318	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Nga	12/7/1991	DTK0802	68		68	Không trúng tuyển	
319	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Châu Linh	10/1/1991	DTK0801	24		24	Không trúng tuyển	
320	Ninh Thuận	Huyện Bác Ái	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Anh Đào	12/4/1985	DTK0806	86		86	Trúng tuyển	
321	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hiền	29/1/1995	DTK0809	95		95	Trúng tuyển	
322	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Ngọc Quý	24/4/1994	DTK0810	76		76	Không trúng tuyển	
323	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Quảng Đại Khánh Kỳ	2/3/1981	DTK0811	95.5	5	100.5	Trúng tuyển	
324	Bình Thuận	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Trần Thị Thu	10/12/1990	DTK0813	61	5	66	Trúng tuyển	
325	Bình Thuận	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Trần Ngọc Phương Thanh	2/1/1990	DTK0814	87		87	Trúng tuyển	
326	Bình Thuận	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Ngô Thị Thảo	10/1/1991	DTK0816	85		85	Trúng tuyển	
327	Bình Thuận	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Nguyễn Châu Hoàng Anh	4/12/1987	DKT0817	76.25		76.25	Trúng tuyển	
328	Bình Thuận	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Trương Thị Minh Trọng	23/11/1988	DCN0820	73		73	Trúng tuyển	
329	Bình Thuận	TP Phan Thiết	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thanh Sơn	17/6/1985	DTK0821	81		81	Trúng tuyển	
330	Bình Thuận	TP Phan Thiết	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Minh Thư	28/5/1988	DTK0822	73.5		73.5	Trúng tuyển	
331	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Cao Hoài Đức	15/11/1992	DTK0824	67.5		67.5	Trúng tuyển	
332	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Minh Cường	24/2/1989	DTK0827	84		84	Trúng tuyển	
333	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Thùy Trang	15/10/1993	DTK0829	84		84	Trúng tuyển	
334	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Ngọc Sơn	15/10/1988	DTK0828	73.5		73.5	Không trúng tuyển	
335	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Mai Thương	28/6/1993	DTK0832	63.75		63.75	Trúng tuyển	
336	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Văn Khuyến	13/6/1991	DTK0830	57.5		57.5	Trúng tuyển	
337	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Thị Thanh Nguyên	30/11/1990	DTK0835	70.5		70.5	Trúng tuyển	
338	Kon Tum	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	An Thị Thảo Vi	20/10/1994	DTK0838	69.75		69.75	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
339	Kon Tum	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Đoàn Huy Hoàng	14/10/1982	DTK0836	62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	
340	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Phạm Ngọc Hoài	15/3/1990	DTK0840	87.25		87.25	Trúng tuyển	
341	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Lâm Thị Ái Liên	10/9/1989	DTK0841	84.5		84.5	Không trúng tuyển	
342	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Hà Vi	28/12/1992	DTK0842	81.5		81.5	Không trúng tuyển	
343	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Đỗ Thị Ngọc Diễm	14/4/1994	DTK0839	69.5		69.5	Không trúng tuyển	
344	Kon Tum	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Lý Minh Tuyết	3/6/1995	DTK0847	98		98	Trúng tuyển	
345	Kon Tum	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Giao Thị Hồng Hiệp	9/9/1993	DTK0843	93		93	Không trúng tuyển	
346	Kon Tum	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Cẩm Ly	16/11/1988	DTK0844	83		83	Không trúng tuyển	
347	Kon Tum	Phòng Tổ Chức - Hành Chính	Kế toán	ĐH	1	Phan Kim Hưng	18/7/1995	DKT0848	70.75		70.75	Trúng tuyển	
348	Kon Tum	Phòng Tổ Chức - Hành Chính	Văn thư	ĐH	1	Huỳnh Thu Hoài Nga	14/1/1989	DVT0849	65.5		65.5	Trúng tuyển	
349	Gia Lai	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Vũ Bá Phương	26/11/1989	DTK0857	94	5	99	Trúng tuyển	
350	Gia Lai	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Lê Thị Linh	3/3/1983	DTK0855	65.5		65.5	Không trúng tuyển	
351	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Võ Thị Phùng Thu	13/6/1991	DTK0865	90		90	Trúng tuyển	
352	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Tô Thanh Liêm	30/11/1989	DTK0862	79.25		79.25	Không trúng tuyển	
353	Gia Lai	Thị xã An Khê	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Xuân Thư	8/12/1987	DTK0875	56.5		56.5	Trúng tuyển	
354	Gia Lai	Thị xã An Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lệ Thủy	20/11/1993	DTK0876	55		55	Không trúng tuyển	
355	Gia Lai	Huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phan Thị Thơm	15/1/1989	DTK0884	71		71	Trúng tuyển	
356	Gia Lai	Huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	ĐH		Bùi Thị Lan	9/3/1989	DTK0880	68		68	Trúng tuyển	
357	Gia Lai	Huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lệ	11/12/1995	DTK0881	47		47	Không trúng tuyển	
358	Gia Lai	Huyện Đăk Pơ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Diệu Hiền	20/8/1994	DTK0888	29		29	Không trúng tuyển	
359	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Thị Ngọc Bích	1/1/1990	DTK0890	37.5		37.5	Không trúng tuyển	
360	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Tú	17/1/1993	DTK0893	19		19	Không trúng tuyển	
361	Gia Lai	Huyện Ia Pa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trương Thị Thanh Liêm	24/12/1987	DTK0895	68		68	Trúng tuyển	
362	Gia Lai	Huyện Kbang	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Ngọc Giáp	2/12/1994	DTK0897	82		82	Trúng tuyển	
363	Gia Lai	Huyện Kông Chro	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Xuân Kiều	1/1/1986	DTK0898	75.25		75.25	Trúng tuyển	
364	Gia Lai	Huyện Krông Pa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Dáng	26/2/1990	DTK0901	86		86	Trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
365	Gia Lai	Huyện Krông Pa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Lê Thị Lý	10/10/1991	DTK0902	84		84	Trúng tuyển	
366	Gia Lai	Huyện Krông Pa	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Thị Thu Mai	2/8/1991	DTK0903	75.5		75.5	Không trúng tuyển	
367	Gia Lai	TP Pleiku	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Phạm Thị Thanh Xuân	4/11/1989	CTK0906	91		91	Trúng tuyển	
368	Đắk Lắk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/5/1990	DTK0913	87		87	Trúng tuyển	
369	Đắk Lắk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Thuý Tiên	24/2/1996	DTK0914	78.5		78.5	Không trúng tuyển	
370	Đắk Lắk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Minh Trang	1/1/1995	DTK0915	77		77	Không trúng tuyển	
371	Đắk Lắk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Trịnh Thị Ngọc	10/5/1994	DTK0912	52.75		52.75	Không trúng tuyển	
372	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Nguyễn Sỹ Long	19/10/1988	DCN0918	87.75		87.75	Trúng tuyển	
373	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Đỗ Tiến Đạt	14/1/1988	DCN0917	73		73	Không trúng tuyển	
374	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Đặng Lê Bảo Châu	28/8/1993	DCN0916	62.75		62.75	Không trúng tuyển	
375	Đắk Lắk	Huyện Cư M'gar	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nguyễn Hoàng Minh Uyên	4/12/1996	CTK0921	82		82	Trúng tuyển	
376	Đắk Lắk	Huyện EaH'leo	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Thu Hiền	1/12/1989	DTK0923	76		76	Trúng tuyển	
377	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Ngọc Lệ	26/4/1994	DTK0926	80		80	Trúng tuyển	
378	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Nhật Hạ	30/6/1996	DTK0925	75.75		75.75	Không trúng tuyển	
379	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Oanh	1/9/1991	DTK0927	74		74	Không trúng tuyển	
380	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Hồng Trang	3/11/1988	DTK0929	87.25		87.25	Trúng tuyển	
381	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Vũ Thị Thanh Thuý	23/5/1995	DTK0928	79		79	Không trúng tuyển	
382	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Tường Vy	2/8/1994	DTK0936	78.5		78.5	Trúng tuyển	
383	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Linh	5/10/1987	DTK0930	71.25		71.25	Trúng tuyển	
384	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Thị Thuý	23/4/1992	DTK0938	82.25	5	87.25	Trúng tuyển	
385	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Hồng Nhung	20/11/1990	DTK0937	14.5		14.5	Không trúng tuyển	
386	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Minh Tươi	29/11/1992	DTK0941	90.75		90.75	Trúng tuyển	
387	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Ngọc Dung	19/4/1991	DTK0939	72		72	Không trúng tuyển	
388	Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Văn Thông	16/8/1993	DTK0943	92.75		92.75	Trúng tuyển	
389	Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Yến	2/5/1992	DTK0944	40		40	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
390	Đắk Nông	TX Gia Nghĩa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Thái Tú Uyên	16/12/1995	DTK0945	76		76	Trúng tuyển	
391	Đắk Nông	Huyện Đắk Song	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Thu Huệ	22/5/1995	DTK0946	83		83	Trúng tuyển	
392	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Minh Mỹ	3/10/1990	DTK0950	92		92	Trúng tuyển	
393	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Quốc Dũng	9/1/1993	DTK0948	90.5		90.5	Không trúng tuyển	
394	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Đoàn Ngọc Trâm	26/3/1996	DTK0951	50		50	Không trúng tuyển	
395	Đắk Nông	Huyện Đắk R' Lấp	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đỗ Thị Hồng	3/3/1989	DTK0952	89.5		89.5	Trúng tuyển	
396	Đắk Nông	Huyện Đắk G'Long	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Thanh Tâm	17/9/1991	DTK0955	93		93	Trúng tuyển	
397	Lâm Đồng	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Bạch Văn Tường	11/1/1992	DTK0958	86.5		86.5	Trúng tuyển	
398	Lâm Đồng	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Phương Dung	22/1/1990	DTK0956	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
399	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lương Thị Kiều Diễm	1/3/1993	DTK0959	89		89	Trúng tuyển	
400	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Thị Mộng Hương	13/3/1988	DTK0960	51	5	56	Trúng tuyển	
401	Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Vũ Thị Hằng	10/12/1987	DTK0961	78.5		78.5	Trúng tuyển	
402	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đàm Thị Hiệp	18/7/1992	DTK0963	61.5	5	66.5	Trúng tuyển	
403	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hằng	15/6/1990	DTK0962	61.25		61.25	Không trúng tuyển	
404	Bình Phước	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Trịnh Việt Phương	12/7/1983	DTK0965	58		58	Trúng tuyển	
405	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Võ Hà Phương	22/9/1993	DTK0970	85		85	Trúng tuyển	
406	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Lê Thị Diễm Trang	26/1/1994	DTK0971	42		42	Không trúng tuyển	
407	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Lương Thị Thúy	30/4/1993	DTK0979	69.5		69.5	Trúng tuyển	
408	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Diễm Hương	21/2/1993	DTK0974	60		60	Trúng tuyển	
409	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Vũ Văn Hiệp	6/9/1979	DTK0973	22		22	Không trúng tuyển	
410	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Hoàng Minh Thư	19/3/1993	DTK0978	15.25		15.25	Không trúng tuyển	
411	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Hoàng Thị Như Quỳnh	6/1/1990	DKT0984	72		72	Trúng tuyển	
412	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH	1	Đàm Thị Trang	21/12/1995	DVT0986	56	5	61	Trúng tuyển	
413	Bình Phước	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Đinh Văn Thương	10/4/1985	DCN0989	78.25		78.25	Trúng tuyển	

NLC

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
414	Bình Phước	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Trần Đình Bảo	10/7/1987	DCN0987	71		71	Không trúng tuyển	
415	Bình Phước	TX Phước Long	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hà Thị Phi Yến	1/11/1992	DTK0992	58.5		58.5	Trúng tuyển	
416	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hoàng Anh	19/8/1992	DTK0993	59		59	Trúng tuyển	
417	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thùy	20/6/1988	DTK0996	56.25		56.25	Không trúng tuyển	
418	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Bùi Thị Ngân	1/12/1993	DTK0998	81.75	5	86.75	Trúng tuyển	
419	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	Thống kê kinh tế	ĐH		Thái Anh Tùng	12/6/1981	DTK0999	67.5		67.5	Trúng tuyển	
420	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Xuân Lộc	29/12/1992	DTK0997	30.75		30.75	Không trúng tuyển	
421	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Văn Hiếu	4/10/1987	DTK1004	66.5		66.5	Trúng tuyển	
422	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Văn Hiếu	6/5/1993	DTK1003	43		43	Không trúng tuyển	
423	Bình Phước	Huyện Phú Riềng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Lan Hương	10/6/1990	DTK1006	88		88	Trúng tuyển	
424	Bình Phước	Huyện Phú Riềng	Thống kê kinh tế	ĐH		Phùng Ngọc Ánh	25/8/1996	DTK1005	63.75		63.75	Không trúng tuyển	
425	Tây Ninh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Trần Văn Anh	22/11/1988	DTK1007	74		74	Trúng tuyển	
426	Tây Ninh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Phan Bửu Ngọc	10/6/1992	DTK1009	67.5		67.5	Trúng tuyển	
427	Tây Ninh	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH	3	Nguyễn Nhật Anh	6/12/1993	DTK1010	93		93	Trúng tuyển	
428	Tây Ninh	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Tiên	7/9/1987	DTK1013	63.25		63.25	Trúng tuyển	
429	Tây Ninh	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Văn Bé Quý	17/3/1979	DTK1012	32		32	Không trúng tuyển	
430	Tây Ninh	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Nguyễn Đình Huy	27/2/1991	DCN1015	63		63	Trúng tuyển	
431	Tây Ninh	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Hà Thanh Tuấn	19/2/1977	DCN1016	54.5		54.5	Không trúng tuyển	
432	Tây Ninh	TP Tây Ninh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Mai Hoàng Phương	15/12/1988	DTK1018	64.5		64.5	Trúng tuyển	
433	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Ngô Minh Tuấn	18/5/1987	DTK1020	75.5		75.5	Trúng tuyển	
434	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Lê Hồng Hải	15/5/1991	DTK1021	82.5		82.5	Trúng tuyển	
435	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thu Thảo	8/11/1991	DTK1024	77.25		77.25	Trúng tuyển	
436	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Minh Tiên	3/9/1978	DTK1026	75.75		75.75	Trúng tuyển	
437	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Tô Trần Duy Phúc	18/6/1990	DTK1028	83.25		83.25	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
438	Bình Dương	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Quốc Nam	2/5/1985	DTK1030	70.75		70.75	Trúng tuyển	
439	Bình Dương	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH	1	Phạm Thị Cẩm Vân	20/11/1989	DTK1034	74		74	Trúng tuyển	
440	Bình Dương	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Luân Thị Ánh Lan	21/10/1978	DTK1033	72		72	Không trúng tuyển	
441	Bình Dương	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Phương Tiến	24/9/1990	DTK1038	94.25		94.25	Trúng tuyển	
442	Bình Dương	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Hạnh	8/10/1992	DTK1036	74.75		74.75	Không trúng tuyển	
443	Bình Dương	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Minh Hiếu	//1992	DTK1037	69		69	Không trúng tuyển	
444	Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Hồng An	11/2/1990	DTK1040	97.5		97.5	Trúng tuyển	
445	Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Bồ Kim Tuyền	6/4/1992	DTK1041	79		79	Trúng tuyển	
446	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Kế toán	ĐH	1	Cù Thùy Linh	27/8/1989	DKT1046	74.75		74.75	Trúng tuyển	
447	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CD	1	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/6/1990	CVT1045	51		51	Trúng tuyển	
448	Đồng Nai	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Thị Kim Ngân	6/9/1991	DTK1051	90.5		90.5	Trúng tuyển	
449	Đồng Nai	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Huy Hoàng	25/9/1989	DTK1049	83		83	Không trúng tuyển	
450	Đồng Nai	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Huyền	12/9/1990	DTK1050	67.75		67.75	Không trúng tuyển	
451	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Văn Kiên	17/9/1991	DTK1056	75.5		75.5	Trúng tuyển	
452	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Tá Phong	2/9/1987	DTK1057	71		71	Trúng tuyển	
453	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Văn Bình	8/9/1975	DTK1054	50		50	Không trúng tuyển	
454	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Vũ Cường	24/6/1990	DTK1059	78.75		78.75	Trúng tuyển	
455	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Thị Thanh	25/3/1988	DTK1060	67		67	Trúng tuyển	
456	Bà Rịa-Vũng Tàu	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Trần Thị Oanh	21/6/1995	DTK1062	75.75		75.75	Trúng tuyển	
457	Bà Rịa-Vũng Tàu	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CD	1	Võ Thị Thanh Đa	15/5/1975	CVT1064	35		35	Không trúng tuyển	
458	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Thanh Nhân	15/7/1992	DTK1065	73		73	Trúng tuyển	
459	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Bùi Thị Thu Trang	9/10/1991	DTK1068	61.5		61.5	Trúng tuyển	
460	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Lê Phương Nam	6/9/1991	DTK1073	91.5		91.5	Trúng tuyển	
461	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Vũ Hải Hường	11/12/1986	DTK1071	90		90	Trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
462	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thế Kỳ	10/12/1994	DTK1072	86.75		86.75	Không trúng tuyển	
463	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Trịnh Thị Vân Hà	26/3/1991	DTK1070	81		81	Không trúng tuyển	
464	TP Hồ Chí Minh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Lý Thị Bích Huyền	25/8/1990	DTK1075	71.5		71.5	Trúng tuyển	
465	TP Hồ Chí Minh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Trương Thị Bích Lệ	13/5/1978	DTK1076	65.75		65.75	Không trúng tuyển	
466	TP Hồ Chí Minh	Quận 2	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Hương	12/4/1994	DTK1078	68.25		68.25	Trúng tuyển	
467	TP Hồ Chí Minh	Quận 5	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Nguyễn Thị Ngọc Hương	28/1/1987	DTK1082	90.75		90.75	Trúng tuyển	
468	TP Hồ Chí Minh	Quận 5	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Đức Văn Trường	27/5/1996	DTK1086	66		66	Trúng tuyển	
469	TP Hồ Chí Minh	Quận 6	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Chí Cường	20/8/1982	DTK1087	67		67	Trúng tuyển	
470	TP Hồ Chí Minh	Quận 6	Thống kê kinh tế	ĐH		Tổng Thanh Tùng	20/12/1990	DTK1088	66		66	Không trúng tuyển	
471	TP Hồ Chí Minh	Quận 10	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đoàn Trường An	20/4/1990	DTK1089	93.75		93.75	Trúng tuyển	
472	TP Hồ Chí Minh	Quận 11	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Thị Thanh Trang	19/2/1980	DTK1091	82.25		82.25	Trúng tuyển	
473	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Văn Công	28/2/1993	DTK1093	92		92	Trúng tuyển	
474	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Thanh Sơn	12/4/1989	DTK1095	80.5		80.5	Trúng tuyển	
475	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Vũ Tiến Đạt	22/9/1991	DTK1094	63		63	Không trúng tuyển	
476	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Phùng Thị Minh Anh	15/10/1996	DTK1092	53		53	Không trúng tuyển	
477	TP Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Mai Thị Quỳnh Hương	11/11/1994	DTK1096	66.5		66.5	Trúng tuyển	
478	TP Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Tất Khải Minh	6/9/1983	DTK1099	77.5	5	82.5	Trúng tuyển	
479	TP Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Vương Châu	2/2/1977	DTK1100	73.5		73.5	Trúng tuyển	
480	TP Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Cẩm Vi	10/12/1990	DTK1105	89.5		89.5	Trúng tuyển	
481	TP Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Kim Thoa	7/9/1989	DTK1104	78	5	83	Trúng tuyển	
482	TP Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Thanh Thảo	10/3/1985	DTK1103	54.25		54.25	Không trúng tuyển	
483	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Phan Thị Cẩm Dung	20/1/1982	DTK1106	79		79	Trúng tuyển	
484	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Hoàng Oanh	4/12/1987	DTK1109	69.75		69.75	Trúng tuyển	
485	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hoa	3/2/1987	DTK1107	54.5		54.5	Trúng tuyển	
486	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH		Từ Nguyễn Thành Nhân	12/3/1991	DTK1108	51		51	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
487	TP Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lưu Thị Minh Trí	2/3/1984	DTK1110	64		64	Trúng tuyển	
488	TP Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Lanh	23/6/1989	DTK1112	99	5	104	Trúng tuyển	
489	TP Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thanh Tùng	3/3/1987	DTK1116	75.5		75.5	Trúng tuyển	
490	TP Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đậu Việt Dũng	28/12/1987	DTK1117	50		50	Trúng tuyển	
491	Long An	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Lê Bá Hộ	15/2/1990	DTK1119	94		94	Trúng tuyển	
492	Long An	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Trịnh Nguyễn Diễm Hương	3/11/1992	DTK1121	98		98	Trúng tuyển	
493	Long An	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Hồ Đỗ My	17/9/1989	DTK1122	90.5		90.5	Trúng tuyển	
494	Long An	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Trần Minh Cường	20/11/1988	DTK1120	89.75		89.75	Không trúng tuyển	
495	Long An	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Thị Xuân Tụ	21/4/1989	DTK1123	96		96	Trúng tuyển	
496	Long An	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Lê Thị Thanh Trúc	1/7/1988	DTK1127	93.25		93.25	Trúng tuyển	
497	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Nguyễn Thị Hồng Lam	9/10/1987	DCN1128	66		66	Trúng tuyển	
498	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Lưu Thị Ngọc Lua	18/7/1987	DCN1129	64.75		64.75	Không trúng tuyển	
499	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Võ Tấn Tài	23/12/1992	DCN1130	57		57	Không trúng tuyển	
500	Long An	TP Tân An	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Điêu Thị Tuyết Mai	15/11/1988	DTK1131	82.75		82.75	Trúng tuyển	
501	Long An	TP Tân An	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hà Phương	1/2/1991	DTK1132	79		79	Trúng tuyển	
502	Long An	TX Kiến Tường	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thanh Thảo	2/12/1990	DTK1133	69.5		69.5	Trúng tuyển	
503	Long An	Huyện Vĩnh Hưng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Võ Anh Tài	29/4/1993	DTK1134	72		72	Trúng tuyển	
504	Long An	Huyện Mộc Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Đỗ Thị Diêu Thuyền	6/8/1992	DTK1136	85	5	90	Trúng tuyển	
505	Long An	Huyện Thạnh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Võ Thị Mỹ Hậu	1/3/1993	DTK1139	83		83	Trúng tuyển	
506	Long An	Huyện Thạnh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trương Thụy Diễm Trinh	2/1/1989	DTK1140	82		82	Trúng tuyển	
507	Long An	Huyện Đức Huệ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Dương Thị Kim Quy	9/6/1985	DTK1142	79.75		79.75	Trúng tuyển	
508	Long An	Huyện Đức Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Cẩm	2/1/1985	DTK1143	69		69	Trúng tuyển	
509	Long An	Huyện Bến Lức	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Văn Quốc	12/4/1990	DTK1144	89		89	Trúng tuyển	
510	Long An	Huyện Bến Lức	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Thúy	14/10/1986	DTK1145	82		82	Trúng tuyển	
511	Long An	Huyện Thủ Thừa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Minh Hoàng	27/5/1990	DTK1146	77.25	2.5	79.75	Trúng tuyển	

Như

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
512	Long An	Huyện Tân Trụ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Bảo Trung	8/5/1993	DTK1148	82.5		82.5	Trúng tuyển	
513	Long An	Huyện Cần Đước	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Minh Tuyền	7/11/1989	DTK1149	85		85	Trúng tuyển	
514	Long An	Huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Trần Trung	14/9/1989	DTK1151	88.5		88.5	Trúng tuyển	
515	Tiền Giang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Hồng Huệ	14/2/1988	DTK1152	65.75		65.75	Trúng tuyển	
516	Tiền Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Lê Thị Trúc Linh	20/7/1990	DTK1156	88.5		88.5	Trúng tuyển	
517	Tiền Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Nguyễn Thị Kim Hương	28/2/1989	DTK1155	75.25		75.25	Không trúng tuyển	
518	Tiền Giang	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Nguyễn Tiến Thịnh	5/1/1995	DTK1161	98		98	Trúng tuyển	
519	Tiền Giang	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Nhật Minh	10/12/1991	DTK1159	58.5		58.5	Không trúng tuyển	
520	Tiền Giang	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Huỳnh Thanh Phong	6/12/1982	DTK1160	50.5		50.5	Không trúng tuyển	
521	Tiền Giang	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Nguyễn Xuân Trường	4/11/1991	DCN1162	69.5		69.5	Trúng tuyển	
522	Tiền Giang	TX Gò Công	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Minh Quân	7/11/1990	DTK1163	82.5		82.5	Trúng tuyển	
523	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Văn Quốc	5/6/1985	DTK1164	53	5	58	Trúng tuyển	
524	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Lê Thị Cẩm Vân	14/10/1980	DTK1166	76.5		76.5	Trúng tuyển	
525	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Bảo Chiêu	28/10/1994	DTK1165	54		54	Trúng tuyển	
526	Tiền Giang	Huyện Chợ Gạo	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Hồng Khanh	8/12/1983	DTK1167	77		77	Trúng tuyển	
527	Bến Tre	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Phạm Thị Ngọc Huyền	28/2/1990	DKT1168	70.5		70.5	Trúng tuyển	
528	Bến Tre	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Lê Vũ Phương	22/1/1991	DCN1170	81.75		81.75	Trúng tuyển	
529	Bến Tre	TP Bến Tre	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Lê Thị Minh Phương	15/9/1990	DTK1176	74		74	Trúng tuyển	
530	Bến Tre	TP Bến Tre	Thống kê kinh tế	ĐH		Khâu Thị Trúc Duyên	19/11/1993	DTK1172	53		53	Trúng tuyển	
531	Bến Tre	TP Bến Tre	Thống kê kinh tế	ĐH		Thanh	27/8/1984	DTK1177	44		44	Không trúng tuyển	
532	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thanh Phương	15/10/1979	DTK1181	74.5	5	79.5	Trúng tuyển	
533	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Văn Nhân	22/6/1988	DTK1180	31.75		31.75	Không trúng tuyển	
534	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Bắc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Kim Soán	2/10/1989	DTK1183	77		77	Trúng tuyển	
535	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Võ Thị Hồng Cúc	18/4/1990	DTK1184	80		80	Trúng tuyển	
536	Bến Tre	Huyện Bình Đại	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Thị Ngọc Liễu	20/5/1992	DTK1186	84.25		84.25	Trúng tuyển	
537	Bến Tre	Huyện Bình Đại	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hoàng Huệ	15/10/1987	DTK1185	56.5		56.5	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chi tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
538	Bến Tre	Huyện Thanh Phú	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Thiêm	7/3/1989	DTK1188	93.75		93.75	Trúng tuyển	
539	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Trần Thị Cẩm Tú	29/9/1985	DKT1195	69		69	Trúng tuyển	
540	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH		Nguyễn Thị Anh Nga	6/8/1994	DKT1191	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
541	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Lâm Thị Tú Huyền	6/6/1996	CVT1190	40.25		40.25	Không trúng tuyển	
542	Trà Vinh	Phòng Thanh Tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Đặng Thị Ánh Hồng	2/6/1985	DCN1197	62.75		62.75	Trúng tuyển	
543	Trà Vinh	TP Trà Vinh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Huỳnh Như	28/8/1993	DTK1201	94		94	Trúng tuyển	
544	Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trương Văn Bé Sáu	20/6/1986	DTK1207	46	5	51	Không trúng tuyển	
545	Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thị Diễm My	17/2/1991	DTK1210	74.5		74.5	Trúng tuyển	
546	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Kim Thành Luân	20/12/1987	DTK1214	86.5	5	91.5	Trúng tuyển	
547	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Chinh	24/6/1992	DTK1213	79		79	Trúng tuyển	
548	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Quyền	18/6/1987	DTK1215	62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	
549	Trà Vinh	Huyện Duyên Hải	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Trọng Nghĩa	19/5/1995	DTK1216	61.75		61.75	Trúng tuyển	
550	Trà Vinh	TX Duyên Hải	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Ngô Thanh Tuyền	22/5/1988	DTK1218	75.5	5	80.5	Trúng tuyển	
551	Vĩnh Long	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Trần Hoài Bảo	10/11/1982	DTK1219	35		35	Không trúng tuyển	
552	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	2	Nguyễn Hòa Minh	2/1/1992	DTK1223	76		76	Trúng tuyển	
553	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyên	19/1/1995	DTK1225	64		64	Trúng tuyển	
554	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Lê Thanh Mộng	3/10/1981	DTK1224	57	5	62	Không trúng tuyển	
555	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Trương Võ Kim Trân	20/12/1981	DTK1226	55		55	Không trúng tuyển	
556	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH	2	Võ Quốc Anh	1/1/1989	DTK1228	80.5		80.5	Trúng tuyển	
557	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Phùng Thị Diễm Kiều	1/11/1988	DTK1230	68.5		68.5	Trúng tuyển	
558	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Lê Hữu Nhân	8/12/1984	DTK1231	64.16		64.16	Không trúng tuyển	
559	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Nghiêm Bá Đồng	10/10/1980	DTK1229	28.5		28.5	Không trúng tuyển	
560	Vĩnh Long	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn	ĐH		Nguyễn Thị Mộng Tuyền	20/8/1988	DTK1234	82.5		82.5	Trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
561	Vĩnh Long	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Nguyễn Kim Diệu	12/12/1988	DTK1233	44		44	Không trúng tuyển	
562	Đồng Tháp	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Trần Thị Cẩm Giang	25/11/1990	DTK1236	88.25		88.25	Trúng tuyển	
563	Đồng Tháp	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Ngô Ngọc Thùy	31/10/1989	DTK1239	88		88	Trúng tuyển	
564	Đồng Tháp	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	2	Nguyễn Kim Sương	1/1/1989	DTK1241	91.5		91.5	Trúng tuyển	
565	Đồng Tháp	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Quốc Thái	15/4/1994	DTK1242	52.5		52.5	Trúng tuyển	
566	Đồng Tháp	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Trần Hải Quỳnh	28/11/1991	DTK1243	91		91	Trúng tuyển	
567	Đồng Tháp	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Lý Thị Thanh Thủy	31/1/1991	DTK1244	85.5		85.5	Trúng tuyển	
568	Đồng Tháp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Lê Thị Minh Diễm	17/8/1993	DKT1245	57		57	Trúng tuyển	
569	Đồng Tháp	TX Hồng Ngự	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Nhật Linh	15/2/1985	DTK1248	80.5		80.5	Trúng tuyển	
570	Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Trung Mỹ	6/10/1991	DTK1252	72.75		72.75	Trúng tuyển	
571	Đồng Tháp	Huyện Lai Vung	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Tấn Kiệt	20/5/1990	DTK1254	86.75		86.75	Trúng tuyển	
572	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH	1	Lê Duy Linh	7/3/1989	DTK1256	75.75		75.75	Trúng tuyển	
573	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Quách Mỹ Thanh	14/11/1990	DTK1260	61.5		61.5	Không trúng tuyển	
574	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Lê Thị Diệu Hiền	19/8/1984	DTK1255	46.75		46.75	Không trúng tuyển	
575	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Trúc	11/4/1982	DTK1262	46.5		46.5	Không trúng tuyển	
576	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Phạm Minh Phương	3/2/1996	DTK1259	29		29	Không trúng tuyển	
577	An Giang	TP Châu Đốc	Thống kê Kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Tố Trinh	19/3/1995	DTK1265	54		54	Trúng tuyển	
578	An Giang	TX Tân Châu	Thống kê Kinh tế	ĐH	2	Trương Phúc Hậu	26/2/1990	DTK1267	57		57	Trúng tuyển	
579	An Giang	TX Tân Châu	Thống kê Kinh tế	ĐH		Phan Thị Kim Như	24/4/1991	DTK1269	41.25		41.25	Không trúng tuyển	
580	An Giang	TX Tân Châu	Thống kê Kinh tế	ĐH		Trịnh Thị Ngọc	19/9/1987	DTK1268	13.25		13.25	Không trúng tuyển	
581	An Giang	Huyện Tịnh Biên	Thống kê Kinh tế	ĐH	1	Đỗ Thị Thích	//1983	DTK1271	59.5		59.5	Trúng tuyển	
582	An Giang	Huyện Tịnh Biên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Thu Ba	/0/1986	DTK1270	35.25		35.25	Không trúng tuyển	
583	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH	2	Chế Thị Diễm My	12/7/1992	DTK1275	61		61	Trúng tuyển	
584	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Trần Ngọc Bảo Trân	27/7/1990	DTK1277	47.16		47.16	Không trúng tuyển	
585	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Hồ Quốc An	19/9/1989	DTK1272	42		42	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
586	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Trương Hồng Loan	3/1/1990	DTK1274	35.25		35.25	Không trúng tuyển	
587	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Lê Nguyễn Phương Lam	27/2/1996	DTK1273	30		30	Không trúng tuyển	
588	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Trần Ngọc Hạnh	9/2/1984	DTK1280	69.5		69.5	Trúng tuyển	
589	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Trần Kim Nguyễn	12/3/1989	DTK1281	66.75		66.75	Trúng tuyển	
590	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Dương Thị Tú Trâm	8/11/1990	DTK1286	81.5		81.5	Trúng tuyển	
591	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Huỳnh Thị Chúc Hà	23/6/1996	DTK1283	6		6	Không trúng tuyển	
592	Kiên Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Lê Thị Hồng Ân	20/9/1993	DTK1287	68.5		68.5	Trúng tuyển	
593	Kiên Giang	TP Hà Tiên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thanh Bình	2/11/1993	DTK1289	53.5		53.5	Trúng tuyển	
594	Kiên Giang	Huyện Kiên Lương	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trịnh Thị Thúy Lài	15/10/1990	DTK1291	75		75	Trúng tuyển	
595	Kiên Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Kim Hồng	5/10/1981	DTK1293	80		80	Trúng tuyển	
596	Kiên Giang	Huyện Giồng Riềng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Danh Hoàng Thông	6/10/1989	DTK1294	72.25	5	77.25	Trúng tuyển	
597	Kiên Giang	Huyện An Minh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trương Thanh Ly	16/9/1991	DTK1298	79		79	Trúng tuyển	
598	Kiên Giang	Huyện U Minh Thượng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Diễm Hương	25/12/1994	DTK1302	75.5		75.5	Trúng tuyển	
599	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Văn Hiền	10/3/1990	DTK1305	59.25		59.25	Trúng tuyển	
600	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Trương Thùy Trang	22/4/1991	DTK1310	57		57	Không trúng tuyển	
601	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	17/7/1991	DTK1315	95.25		95.25	Trúng tuyển	
602	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Cẩm	12/6/1993	DTK1311	85.5		85.5	Trúng tuyển	
603	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Ngọc Huyền	7/1/1993	DTK1313	44		44	Không trúng tuyển	
604	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lê Thị Thảo Nguyên	8/11/1993	DTK1314	37.5		37.5	Không trúng tuyển	
605	Hậu Giang	TP Vị Thanh	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Ngô Thị Kiều Diễm	8/10/1993	DTK1316	95		95	Trúng tuyển	
606	Hậu Giang	TP Vị Thanh	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Kiều Trang	1/1/1991	DTK1321	95		95	Trúng tuyển	
607	Hậu Giang	TP Vị Thanh	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thanh Trúc	11/11/1985	DTK1322	42.75		42.75	Không trúng tuyển	
608	Hậu Giang	Huyện Châu Thành A	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đỗ Văn Tọt Lên	4/10/1989	DTK1325	79		79	Trúng tuyển	
609	Hậu Giang	Huyện Phụng Hiệp	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Hồng Minh	5/12/1985	DTK1328	67		67	Trúng tuyển	
610	Hậu Giang	Huyện Vị Thủy	Thống kê xã hội	ĐH	1	Đỗ Thanh Toàn	11/7/1984	DTK1330	88.5		88.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
611	Hậu Giang	TX Long Mỹ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Kim Châu	27/4/1994	DTK1331	65.5		65.5	Trúng tuyển	
612	Sóc Trăng	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Đặng Thị Thanh Thủy	19/10/1990	DTK1334	67.25		67.25	Trúng tuyển	
613	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Mã Ngọc Nhi	5/1/1993	DTK1338	83		83	Trúng tuyển	
614	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Kim Lý Trường Hải	17/12/1988	DTK1336	63.5	5	68.5	Trúng tuyển	
615	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Thị Thu Phương	10/10/1989	DTK1339	56		56	Không trúng tuyển	
616	Sóc Trăng	Huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Út Thi	25/11/1992	DTK1346	88		88	Trúng tuyển	
617	Sóc Trăng	Huyện Kế Sách	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Vũ Thị Loan	28/1/1991	DTK1347	69.5		69.5	Trúng tuyển	
618	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đỗ Xuân Khánh	23/9/1992	DTK1348	72.75		72.75	Trúng tuyển	
619	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ý Nguyên	9/10/1989	DTK1349	70.5		70.5	Trúng tuyển	
620	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Trang	20/11/1987	DTK1351	60.25		60.25	Không trúng tuyển	
621	Sóc Trăng	Huyện Trần Đề	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đặng Phương Thảo	20/9/1987	DTK1353	59.75		59.75	Trúng tuyển	
622	Sóc Trăng	Huyện Thạnh Trị	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Bích Diễm	24/11/1988	DTK1354	50		50	Trúng tuyển	
623	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Trịnh Trường Giang	3/10/1984	DTK1358	57.25		57.25	Trúng tuyển	
624	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Lan	17/5/1979	DTK1359	51		51	Trúng tuyển	
625	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Đàm Quang Văn	10/1/1991	DTK1367	66.5	5	71.5	Trúng tuyển	
626	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Đoàn Thị Cúc Hương	4/5/1993	DTK1365	60		60	Không trúng tuyển	
627	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Lê Hải Văn	1/9/1984	DTK1366	33.5		33.5	Không trúng tuyển	
628	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	3	Trần Anh Triều	24/7/1988	DTK1377	93		93	Trúng tuyển	
629	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lê Thị Tú Anh	1/1/1990	DTK1368	85.25		85.25	Trúng tuyển	
630	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trịnh Quốc Huy	6/4/1994	DTK1372	53		53	Trúng tuyển	
631	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Võ Ngọc Huyền Hân	8/2/1994	DTK1371	48.25		48.25	Không trúng tuyển	
632	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thành Đạt	29/3/1991	DTK1370	46.5		46.5	Không trúng tuyển	
633	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Đỗ Như Ngọc	17/10/1996	DTK1373	33.5		33.5	Không trúng tuyển	
634	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Dương Hóm Cường	17/11/1990	DCN1379	78.75	5	83.75	Trúng tuyển	

Handwritten signature

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi chính thức Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm Tổng chính thức (điểm thi chính thức Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
635	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Hoàng Trọng Khánh	13/10/1989	DCN1381	56.25		56.25	Không trúng tuyển	
636	Bạc Liêu	Huyện Phước Long	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Thị Kiểm	1/1/1989	DTK1385	84		84	Trúng tuyển	
637	Bạc Liêu	Huyện Phước Long	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Quỳnh Giao	17/11/1992	DTK1384	73		73	Không trúng tuyển	
638	Bạc Liêu	Huyện Vĩnh Lợi	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Kim Phụng	30/5/1982	DTK1386	50.5		50.5	Trúng tuyển	
639	Bạc Liêu	TX Giá Rai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Anh Dũng	5/6/1995	DTK1388	74		74	Trúng tuyển	
640	Bạc Liêu	TX Giá Rai	Thống kê kinh tế	ĐH		Bùi Thị Hải	10/9/1988	DTK1389	67		67	Không trúng tuyển	
641	Bạc Liêu	Huyện Hòa Bình	Thống kê xã hội	CD	1	Lê Xuân Tùng	1/7/1996	CTK1390	77		77	Trúng tuyển	
642	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Đinh Thị Thủy Dương	17/6/1984	DTK1397	82.5	5	87.5	Trúng tuyển	
643	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Phạm Cẩm Đan	26/8/1990	DTK1394	85.75		85.75	Trúng tuyển	
644	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Trần Hoài Hận	23/10/1984	DTK1398	72.25		72.25	Không trúng tuyển	
645	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Phà Kha	6/8/1983	DTK1403	72.5		72.5	Trúng tuyển	
646	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Hồ Thị Cẩm Nhung	16/1/1989	DTK1404	59.5		59.5	Không trúng tuyển	
647	Cà Mau	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Nguyễn Thúy Huỳnh	16/10/1988	DTK1409	75.5		75.5	Trúng tuyển	
648	Cà Mau	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Kiều Cẩm Vân	1/1/1994	DTK1412	50.25		50.25	Không trúng tuyển	
649	Cà Mau	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Đinh Hồng Anh	27/12/1992	DTK1407	30		30	Không trúng tuyển	
650	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Trương Văn Thới	1/1/1987	DCN1416	87.5		87.5	Trúng tuyển	
651	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Giã Thanh Nhã	8/2/1990	DCN1415	81.5		81.5	Không trúng tuyển	
652	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Quách Hữu Dụng	16/11/1988	DCN1413	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
653	Cà Mau	Huyện Cái Nước	Thống kê xã hội	ĐH	1	Hồ Tuấn Anh	4/4/1988	DTK1419	59.5	2.5	62	Trúng tuyển	
654	Cà Mau	Huyện Phú Tân	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Thị Nhung	16/8/1987	DTK1421	72.5		72.5	Trúng tuyển	
655	Cà Mau	Huyện Phú Tân	Thống kê xã hội	ĐH		Trần Minh Hoàng	2/8/1992	DTK1420	69.25		69.25	Không trúng tuyển	
656	Cà Mau	Huyện Năm Căn	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Minh Hiếu	25/1/1987	DTK1422	62	2.5	64.5	Trúng tuyển	

Viết tắt trong biểu: CD: Cao đẳng; DH: Đại học; PTK: Phòng Thống kê; TP: Thành phố; TX: Thị xã

Mu